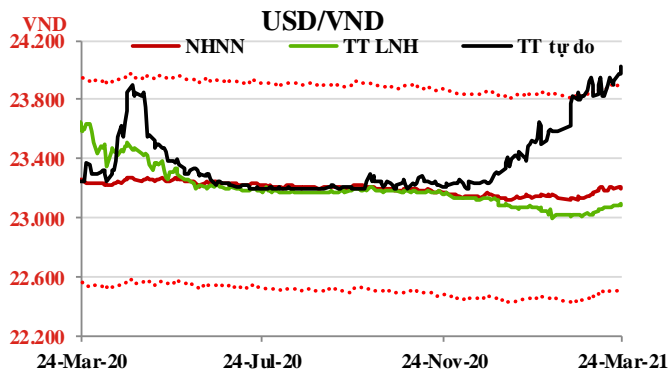


Tin trong nước ngày 24/03

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 24/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.206 VND/USD, tăng trở lại 09 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.852 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.082 VND/USD, giảm 07 đồng so với phiên 23/03. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh 40 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.970 - 24.020 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 24/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,02 – 0,04 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 2W so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,28%; 1W 0,38%; 2W 0,48% và 1M 0,63%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,14%; 1W 0,18%; 2W 0,23%, 1M 0,32%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở kỳ hạn 3Y trong khi giảm khá mạnh ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 0,66%; 5Y 1,09%; 7Y 1,49%; 10Y 2,37%; 15Y 2,58%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 24/03, KBNN huy động thành công 2.000/5.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 36%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm huy động toàn bộ 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm huy động 1.000/2.000 tỷ đồng; kỳ hạn 15 năm và 20 năm đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm tại 1,08%/năm (+0,02%); kỳ hạn 10 năm tại 2,27%/năm (+0,02%).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, nhiều cổ phiếu trụ cột lao dốc mạnh khiến các chỉ số lùi sâu xuống dưới mốc tham chiếu. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index mạnh giảm 21,64 điểm (-1,83%) xuống 1.161,81 điểm; HNX-Index giảm 3,65 điểm (-1,34%) xuống 268,69 điểm; UPCoM-Index giảm 0,65 điểm (-0,79%) xuống 80,50 điểm. Thanh khoản thị trường tăng tích cực so với phiên trước đó với tổng trị giá giao dịch đạt gần 21.400 tỷ đồng. Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng gần 354 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, tính chung cả giai đoạn 2016 - 2020, tổng thu NSNN đạt 6,89 triệu tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch đề ra (100,4%),** mức tích cực khi thu NSNN năm 2020 khó khăn, tăng trưởng kinh tế thấp hơn rất nhiều so dự kiến. Đồng thời, tỷ trọng chi ĐTPT đã được bố trí tăng từ mức 25,7% năm 2017 lên mức 26,9% năm 2020. 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, bội chi NSNN bình quân khoảng 3,6% GDP, đảm bảo mục tiêu không quá 3,9% GDP theo Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội. Đến cuối năm 2020, dư nợ công khoảng 55,8% GDP, nợ chính phủ khoảng 49,6% GDP, trong phạm vi giới hạn cho phép, giảm mạnh so với mức tương ứng là 63,7% và 52,7% năm 2016 (mức trần cho phép là 65% và 54%).



Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.28	-0.02	0.14	-0.01	3Y	0.66	0.010
1W	0.38	-0.02	0.18	-0.01	5Y	1.09	-0.012
2W	0.48	0.00	0.23	-0.02	7Y	1.49	-0.046
1M	0.63	-0.04	0.32	-0.01	10Y	2.37	-0.047
2M	1.00	-0.03	0.43	0.00	15Y	2.58	-0.044
3M	1.22	-0.05	0.58	-0.02			
6M	1.97	0.05	0.90	0.00			
9M	2.60	-0.02	1.21	0.01			
1Y	3.01	-0.13	1.26	0.01			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

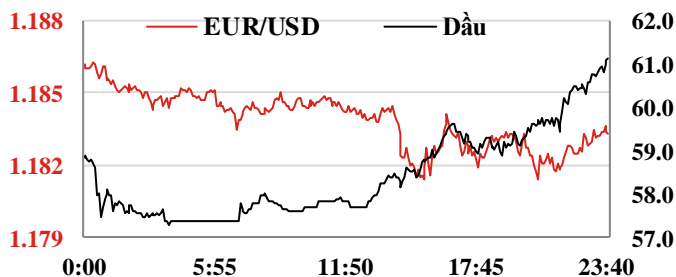
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
24-03-21	1	7	2.50	1.000	-	-	-	-
23-03-21	1	7	2.50	1.000	-	-	-	-
22-03-21	1	7	2.50	1.000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

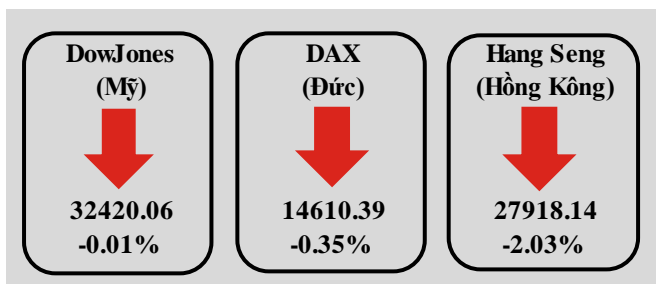
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	24-Mar-21	5	1000	1000	1.08%	0.02%
MOF	24-Mar-21	10	2000	1000	2.27%	0.02%
MOF	24-Mar-21	15	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	24-Mar-21	20	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			5500	2000		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1161.81	268.69	80.50
%/ngày	-1.83%	-1.34%	-0.79%
%/31/12/2020	5.25%	32.3%	8.1%
KLGD (tr.d.v)	750.48	168.52	70.8
GTGD (tỷ đ)	17649.80	2559.70	1172.13
NĐINN mua (tỷ đ)	909.11	18.58	0.84
NĐINN bán (tỷ đ)	1273.24	8.86	0.40



	24 Mar 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	92.53	0.21%	1.19%	2.88%
USD/CNY	6.52	0.11%	0.31%	-0.03%
USD/EUR	0.85	0.31%	1.41%	3.39%
USD/JPY	108.72	0.15%	-0.10%	5.31%
USD/KRW	1134.90	0.18%	1.22%	4.65%
USD/SGD	1.35	0.15%	0.46%	1.90%
USD/TWD	28.49	0.04%	0.84%	1.47%
USD/THB	30.99	0.00%	0.98%	3.16%
USD/VND Trung tâm	23206	0.04%	0.01%	0.32%
USD/VND LNH	23082	-0.03%	0.05%	-0.03%
USD/VND tự do	23970	0.17%	0.42%	2.88%
Vàng	1734.19	0.41%	-0.59%	-8.56%
Dầu	61.18	5.92%	-5.29%	26.09%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0764	-0.0005		
SW	0.0916	0.0108		
1M	0.1103	0.0016	0.2813	0.0000
2M	0.1336	-0.0004		
3M	0.1951	-0.0055	0.4371	0.0000
6M	0.2095	0.0041	0.5932	0.0000
1Y	0.2800	0.0006	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 23/03/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	28/04/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	22/04/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	06/05/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	06/04/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

▪ **Mỹ đưa ra thông điệp kêu gọi thêm đồng minh và giữ nguyên quan điểm đối đầu Trung Quốc.** Reuters cho biết, Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken trong một buổi phát biểu trước các đối tác Châu Âu cho rằng Trung Quốc là mối đe dọa tới vị thế của các nước phương tây. Ông khẳng định Mỹ sẽ không ép các đồng minh vào thế phải lựa chọn giữa Mỹ và Trung Quốc. Tuy nhiên, ông cũng cáo buộc Bắc Kinh đang phá hoại trật tự thương mại thế giới mà Mỹ và các đồng minh đã xây dựng kể từ sau CTTG thứ 2. Cũng trong ngày hôm qua, Tổng thư ký NATO Jens Stoltenberg đưa ra cảnh báo Trung Quốc là quốc gia không chia sẻ những giá trị chung với các thành viên của khối này. Các chuyên gia nhận định mối quan hệ của Mỹ và Trung Quốc có thể căng thẳng trở lại, nhất là trong bối cảnh Mỹ đang phục hồi kinh tế một cách nhanh chóng hơn, tạo điều kiện cho Tổng thống Mỹ Joe Biden giải quyết các vấn đề đối ngoại.

▪ **Các lĩnh vực kinh tế của nước Đức ấm trở lại, là động lực vững chắc cho Eurozone.** IHS Markit cho biết PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ của nước Đức lần lượt ở mức 66,6 điểm và 50,8 điểm trong tháng 3, tăng rất mạnh từ mức 60,7 và 45,7 điểm của tháng trước, đồng thời vượt xa dự báo ở mức 60,4 và 46,4 điểm. Theo đó, PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ của Eurozone tháng này lần lượt ở mức 62,4 và 48,8 điểm, tăng từ mức 57,8 và 45,7 điểm của tháng 2, vượt qua mức 57,5 và 46,1 theo kỳ vọng. Các chuyên gia tại Markit nhận định rất tích cực với gần như mọi mặt của nền sản xuất nước Đức, kỳ vọng lĩnh vực này sẽ giúp Đức phục hồi thị trường lao động một cách nhanh chóng.

▪ **Nước Anh đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Đầu tiên, về thông tin tích cực, IHS Markit cho biết PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ của Anh lần lượt ở mức 57,9 và 56,8 điểm trong tháng 3, tăng mạnh từ mức 55,1 và 49,5 điểm của tháng trước đó, đồng thời tích cực hơn khá nhiều so với mức 55,0 và 51,1 điểm theo kỳ vọng. Về thông tin tiêu cực, Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS cho biết CPI toàn phần và CPI lõi tại nước này lần lượt tăng 0,4% và 0,9% y/y trong tháng 2, thấp hơn khá nhiều so với mức tăng 0,7% và 1,4% của tháng trước đó, đồng thời thấp hơn dự báo ở mức 0,8% và 1,4%. ONS cho biết sự giảm giá rất mạnh của đồ may mặc, giá xe ô tô cũ và đồ chơi đã ảnh hưởng tiêu cực tới CPI của nước Anh trong tháng vừa qua.

Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
24-03	5:00	*	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Úc T3	57,0		56,9
24-03	5:00	*	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Úc T3	56,2		53,4
24-03	14:00	**	CPI tại Anh yy T2	0,4	0,8	0,7
24-03	14:00	**	CPI lõi tại Anh yy T2	0,9	1,4	1,4
24-03	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Đức T3	66,6	60,4	60,7
24-03	15:30	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Đức T3	50,8	46,4	45,7
24-03	16:00	**	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Eurozone T3	62,4	57,5	57,9
24-03	16:00	**	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Eurozone T3	48,8	46,1	45,7
24-03	16:30	**	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Anh T3	57,9	55,0	55,1
24-03	16:30	**	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Anh T3	56,8	51,1	49,5
25-03	14:00	*	Niêm tin tiêu dùng GfK Đức T3		-12,1	-12,9
25-03	19:30	**	GDP chính thức Mỹ qq Q4/2020		4,1	4,1
25-03	19:30	*	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ ww		727K	770K

VN-INDEX



VN-Index tiếp tục giảm xuống mức 1.161,81 điểm. Chỉ số đang tiệm cận đường SMA50 cho thấy có thể xuất hiện nhịp phục hồi kỹ thuật lên thử thách lại SMA20.

Nguỡng hỗ trợ: 1.140 – 1.120

Nguỡng kháng cự: 1.180 – 1.200

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: trangtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn